

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 7 - 2022
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG MỸ
TỈNH HẬU GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lữ Thành Đồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Anh

2. Ông Lê Phước Chí

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T, sinh năm: 1990 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Anh Khru Ngọc Đ, sinh năm: 1988 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Th, huyện L, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Đặng Thị T trình bày:

Chị T và anh Đ tự nguyện kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân xã Hiệp Mỹ Đông, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu chung sống chung hạnh phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Khuru Đặng Quỳnh A (nữ) sinh ngày 07/10/2012 và Khuru Đặng Hà A (nữ) sinh ngày 30/7/2015, hai cháu hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn Khuru Ngọc Đ thống nhất theo lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, cũng như nguyên nhân mâu thuẫn là đúng.

Nay anh Tiến yêu cầu ly hôn thì anh Đ đồng ý, con chung yêu cầu được nuôi, chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá và nhận định về những chứng cứ, những tình tiết của vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” được Luật Hôn nhân và gia đình điều chỉnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang. Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn có đơn xin vắng mặt nên hội đồng xét xử thống nhất áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Đ tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, vợ chồng anh chị đã duy trì quan hệ hôn nhân được một thời gian, có con chung, sau đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh chị không thể hàn gắn được. Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở chứng minh rằng quan hệ của anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, mục

đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài nên không thể tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng. Tại phiên tòa chị T vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn và anh Đ cũng đồng ý. Nhận thấy chị T và anh Đ đã có thời gian mâu thuẫn kéo dài từ năm 2020 cho đến nay, nhưng anh chị không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Đ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị T và anh Đ có 02 con chung là Khuru Đặng Quỳnh A (nữ) sinh ngày 07/10/2012 và Khuru Đặng Hà A (nữ) sinh ngày 30/7/2015, hai cháu hiện đang sống với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu. Xét thấy, hai cháu hiện đang sống với chị T, được chị T chăm sóc đầy đủ. Ngoài ra, hai cháu là nữ, cháu Quỳnh A trên 07 tuổi, nguyện vọng của cháu là được sống với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý cũng như ổn định cuộc sống của hai cháu nên hội đồng xét xử thống nhất giao hai cháu cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T chưa yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc nguyên đơn phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng: Điều 9; Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Khuru Ngọc Đ.

Về con chung: Giao con chung là Khuru Đặng Quỳnh A (nữ) sinh ngày 07/10/2012 và Khuru Đặng Hà A (nữ) sinh ngày 30/7/2015 cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T chưa yêu cầu. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Đ không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung : Không có, không yêu cầu giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) được chuyển từ tạm ứng án phí sang án phí theo lai thu số 0006303 phiếu lập ngày 19/4/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/7/2022). Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h.Long Mỹ;
- Chi cục THADS h.Long Mỹ;
- UBND xã Hiệp Mỹ Đông;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lữ Thành Đồng